

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 16/7/2021.

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lại Thiện Phong**
Ông **Lê Văn Thuyền**

Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST–HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST–HNGĐ, ngày 17 tháng 06 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C vắng mặt nhưng có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007, chị T và anh C có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 19/12/2007. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh C không lo cho gia đình, tính tình cộc

cần, quạo quọ với chị T, chị T đã nhiều lần về nhà mẹ ruột để sống, sau đó anh C có đến năn nỉ thì chị lại về sống với anh C nhưng anh C vẫn không thay đổi. Do đó, chị T xét thấy bản thân không thể nào sống cùng anh C được nữa, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng bế tắc, vợ chồng không có tiếng nói chung nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về quan hệ con chung: Chị T xác định trong quá trình chung sống, giữa chị và anh C có 02 người con chung là cháu Nguyễn Phương Thư, sinh ngày 25/5/2009 và Nguyễn Nhật Đăng, sinh ngày 04/11/2015. Hiện tại cháu Đăng đang sống với chị T, cháu Thư đang sống chung với anh C. Nay chị T yêu cầu được nuôi cháu Đăng nhưng không yêu cầu anh C cấp dưỡng; đối với cháu Thư thì tùy nguyện vọng của cháu muốn sống với cha hay với mẹ, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007, anh C và chị T có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 19/12/2007. Thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cự cãi và hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh C thì anh C cũng đồng ý.

Về quan hệ con chung: Anh C xác định trong quá trình chung sống, giữa chị và anh C có 02 người con chung là cháu Nguyễn Phương Thư, sinh ngày 25/5/2009 và Nguyễn Nhật Đăng, sinh ngày 04/11/2015. Hiện tại cháu Đăng đang sống với chị T, cháu Thư đang sống chung với anh C. Nay chị T yêu cầu được nuôi cháu Đăng nhưng không yêu cầu anh C cấp dưỡng thì anh C đồng ý; đối với cháu Thư anh C yêu cầu được nuôi nhưng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh C không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn C.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Phương Thư, sinh ngày 25/5/2009 cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nguyễn Nhật Đăng, sinh ngày 04/11/2015 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T, anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T, anh C có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn C và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn C có nơi đăng ký thường trú tại ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị T và anh C.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 19/12/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị T và anh C đều xác định có xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng anh chị thường xuyên cự cãi và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C và anh C đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do chị T và anh C đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay. Đồng thời tại bản tự khai ngày 28/6/2021 của

anh C thì anh C đồng ý ly hôn với chị T. Mặc dù anh C đồng ý ly hôn với chị T nhưng khi tiến hành hòa giải để giải quyết vụ án thì anh C vắng mặt nên không thể lập biên bản về việc ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa chị T và anh C để Tòa án ra Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị được nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Vì vậy khi xét xử vụ án, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn C.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C xác định trong quá trình chung sống anh, chị có hai đứa con chung, các cháu tên Nguyễn Phương Thư, sinh ngày 25/5/2009 và Nguyễn Nhật Đăng, sinh ngày 04/11/2015, hiện tại cháu Thư sống chung với anh C, cháu Đăng sống chung với chị T. Nay chị T yêu cầu được nuôi cháu Đăng không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con thì anh C đồng ý; còn cháu Thư thì tùy vào nguyện vọng của cháu muốn sống với cha hay mẹ gì cũng được, người không nuôi không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C xin được nuôi cháu Thư, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Bên cạnh đó, cháu Nguyễn Phương Thư có nguyện vọng theo sống cùng cha là anh C. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện nuôi con của chị T và anh C, tiếp tục giao cháu Nguyễn Phương Thư, sinh ngày 25/5/2009 cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nguyễn Nhật Đăng, sinh ngày 04/11/2015 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T, anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T, anh C có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn C.

2/ Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Phương Thư, sinh ngày 25/5/2009 cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nguyễn Nhật Đăng, sinh ngày 04/11/2015 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T, anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T, anh C có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị T đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003486 ngày 18/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Kiệt